

Số: 831/QĐ-LTT-ĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 7 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp nghề
cho học sinh 16 TCN (9+3) và khóa cũ thi lại
Kỳ thi tháng 8/2019**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 196/QĐ-LTT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường”;

Căn cứ Thông tư số 22/2014/TT-BGD&ĐT ngày 09 tháng 7 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế đào tạo Trung cấp chuyên nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 948/QĐ-LTT-ĐT ngày 10 tháng 9 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về thành lập Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Căn cứ Quyết định số 05/QĐ-LTT-ĐT ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về điều chỉnh, thay thế thành viên Hội đồng xét điều kiện dự thi, xét tốt nghiệp cho học sinh Trung cấp chuyên nghiệp khóa 16 TC (9+3); Trung cấp nghề khóa 16 TCN (9+3); Trung cấp khóa 17 T2 (1N3T); Cao đẳng nghề khóa 16 CĐN (12+3); Liên thông cao đẳng khóa 2017 và các khóa cũ thi lại Năm học 2018 -2019;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tuyển sinh - Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay công nhận 114 học sinh khóa 16 TCN (9+3) và khóa cũ đủ điều kiện dự thi tốt nghiệp Trung cấp nghề, cụ thể như sau:

1. Khóa 16 TCN (9+3): 86 học sinh

2. Khóa cũ thi lại: 28 học sinh

(có danh sách kèm theo)

Điều 2. Học sinh được dự thi phải thực hiện theo đúng lịch thi và quy chế thi hiện hành.

Điều 3. Học sinh còn nợ các khoản phí được dự thi tốt nghiệp Trung cấp nghề. Học sinh không hoàn tất các khoản phí còn nợ sẽ không được công nhận kết quả thi tốt nghiệp và cấp bằng Trung cấp nghề.

Điều 4. Các học sinh có tên trong danh sách và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Lưu: VT, TS-ĐT.

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Đinh Văn Đệ

**DANH SÁCH HỌC SINH KHÓA CỬ ĐỦ ĐIỀU KIỆN
DỰ THI LẠI TỐT NGHIỆP TRUNG CẤP NGHỀ**

(Kèm theo Quyết định số: 831/QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 7 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
ĐIỆN TỬ CÔNG NGHIỆP										
1	15000149	Huỳnh Triệu Thái	Bình	Nam	15/02/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
2	15000212	Nguyễn Hoàng	Duy	Nam	13/08/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
3	15001424	Trần Trọng	Hợp	Nam	01/04/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
4	15000032	Lê Đỗ Quang	Huy	Nam	30/08/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
5	15000252	Trần Gia	Huy	Nam	24/12/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
6	15000141	Phạm Thanh	Nhân	Nam	03/09/2000	15TCN-ĐT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
ĐIỆN CÔNG NGHIỆP										
7	15000281	Tăng Thành	Đạt	Nam	25/01/2000	15TCN-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
8	15001309	Võ Quốc	Huy	Nam	05/12/2000	15TCN-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
9	15000059	Nguyễn Quốc Văn	Sơn	Nam	17/03/2000	15TCN-Đ	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
LẮP ĐẶT THIẾT BỊ LẠNH										
10	15000022	Nguyễn Đức	Duy	Nam	23/12/2000	15TCN-LĐL	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
11	15002989	Nguyễn Đình	Mạnh	Nam	22/05/2000	15TCN-LĐL	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
12	15003484	Phạm Hoàng	Duy	Nam	03/10/2000	15TCN-LĐL	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
CẮT GỌT KIM LOẠI										
13	15000832	Phạm Trương Thiên	Phước	Nam	07/12/2000	15TCN-CKL	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
CÔNG NGHỆ ÔTÔ										
14	15000278	Bùi Duy	Đại	Nam	04/08/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
15	15002720	Lê Anh	Hào	Nam	09/05/1998	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
16	15000357	Nguyễn Đức	Huỳnh	Nam	09/06/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	
17	15001011	Nguyễn Thành	Long	Nam	21/10/1999	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
18	15000219	Nguyễn Vũ Nhật	Phi	Nam	28/09/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
19	15001554	Nguyễn Trí	Quyên	Nam	30/09/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
20	15000034	Tạ Tiến	Trường	Nam	08/10/2000	15TCN-Ô1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP										
21	15000172	Trần Nguyễn Minh	Ngọc	Nữ	12/03/2000	15TCN-KTD			X	
QUẢN TRỊ MẠNG MÁY TÍNH										
22	15000102	Phùng Long	Ẩn	Nam	09/11/2000	15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
23	15000072	Trần Quang	Long	Nam	13/12/2000	15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK

STT	MSHS	HỌ VÀ TÊN		GT	NGÀY SINH	LỚP	Môn thi			Ghi chú
							C.trị	LT	TH	
24	15000064	Nguyễn Thiên	Phúc	Nam	07/09/1999	15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
25	15000011	Phương Bình	Quân	Nam	12/3/2000	15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
26	15000369	Lê Ngọc	Trân	Nữ	09/12/2000	15TCN-QTM1	X	X	X	Lần 1 KĐĐK
27	15000241	Trần Hoàng	Ân	Nam	2/2/2000	15TCN-QTM1		X		
MAY THỜI TRANG										
28	15003380	Vương Tuệ	Ngọc	Nữ	18/12/1999	15TCN-MTT	X	X	X	Lần 1 KĐĐK

Tổng cộng danh sách có **28** học sinh.



**DANH SÁCH HỌC SINH TRUNG CẤP NGHỀ KHÓA 16 TCN (9+3)
ĐỦ ĐIỀU KIỆN DỰ THI TỐT NGHIỆP**

(Kèm theo Quyết định số: 831 /QĐ-LTT-ĐT ngày 26 tháng 7 năm 2019
của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh)

STT	MSHS	Họ và Tên	GT	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
1	16000306	Nguyễn Đình Quốc Ân	Nam	10/12/2001	16TCN-CKL	
2	16000097	Nguyễn Quốc Anh	Nam	17/07/2001	16TCN-CKL	
3	16000091	Huỳnh Minh Chiến	Nam	21/12/2001	16TCN-CKL	
4	16000181	Lê Văn Chung	Nam	24/03/2001	16TCN-CKL	
5	16002687	Bùi Tiến Đạt	Nam	03/08/2000	16TCN-CKL	
6	16000089	Trần Việt Hoàng	Nam	24/05/2001	16TCN-CKL	
7	16000229	Phan Lâm Huy	Nam	20/01/2001	16TCN-CKL	
8	16000591	Trần Đăng Khoa	Nam	02/08/1999	16TCN-CKL	
9	16000353	Huỳnh Hà Lâm	Nam	20/07/2001	16TCN-CKL	
10	16002169	Nguyễn Xuân Tài Lộc	Nam	12/12/1998	16TCN-CKL	
11	16000471	Dương Vĩ Nghiệp	Nam	14/12/2001	16TCN-CKL	
12	16000398	Châu Kim Phước	Nam	06/09/1998	16TCN-CKL	
13	16000078	Phạm Minh Sĩ	Nam	16/12/2000	16TCN-CKL	
14	16002587	Nguyễn Tân Tiến	Nam	04/01/2001	16TCN-CKL	
15	16000965	Nguyễn Đức Trình	Nam	01/10/2000	16TCN-CKL	
16	16001852	Nguyễn Văn Quốc Việt	Nam	03/06/2000	16TCN-CKL	
17	16000423	Huỳnh Quốc Ân	Nam	21/08/2001	16TCN-Đ	
18	16000455	Phạm Tuấn Anh	Nam	23/01/2001	16TCN-Đ	
19	16000555	Huỳnh Trí Đại	Nam	23/09/2001	16TCN-Đ	
20	16000454	Nguyễn Mạnh Đức	Nam	22/10/2001	16TCN-Đ	
21	16003887	Hoàng Phước Ngọc Duy	Nam	22/10/2000	16TCN-Đ	
22	16003124	Nguyễn Long Hải	Nam	11/02/2001	16TCN-Đ	
23	16002893	Nguyễn Văn Hoài	Nam	15/03/1998	16TCN-Đ	
24	16003786	Vũ Đăng Khoa	Nam	26/08/1999	16TCN-Đ	
25	16000002	Thân Tấn Phát	Nam	29/12/2001	16TCN-Đ	
26	16000595	Nguyễn Hoàng Phúc	Nam	10/05/2001	16TCN-Đ	

STT	MSHS	Họ và Tên		GT	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
27	16000656	Hồ Lê Kim	Tân	Nam	23/05/2001	16TCN-Đ	
28	16000084	Bùi Trần Minh	Trị	Nam	15/01/2001	16TCN-Đ	
29	16003607	Đổng Minh	Tuấn	Nam	26/02/1992	16TCN-Đ	
30	16001070	Trần Ngọc	Hiển	Nam	21/11/2001	16TCN-ĐT	
31	16000007	Mai Minh	Hiếu	Nam	15/10/2001	16TCN-ĐT	
32	16000345	Hoàng Anh	Kỳ	Nam	10/12/2001	16TCN-ĐT	
33	16000040	Nguyễn Ngọc	Long	Nam	13/10/1995	16TCN-ĐT	
34	16000067	Lê Minh	Thông	Nam	12/09/2001	16TCN-ĐT	
35	16000194	Vũ Hồng Nhật	Hạ	Nữ	05/06/2001	16TCN-KTD	
36	16000266	Võ Thúy	Kiều	Nữ	01/10/2001	16TCN-KTD	
37	16000397	Hồ Trần Ngọc	Mi	Nữ	03/12/2001	16TCN-KTD	
38	16001599	Lê Minh	Thư	Nữ	09/09/2001	16TCN-KTD	
39	16000340	Phạm Huỳnh Xuân	Thư	Nữ	15/01/2001	16TCN-KTD	
40	16003779	Nguyễn Thanh Mỹ	Tiên	Nữ	26/03/2000	16TCN-KTD	
41	16000401	Bùi Thị	Trâm	Nữ	08/01/2001	16TCN-KTD	
42	16003347	Nguyễn Thị	Trang	Nữ	11/02/2000	16TCN-KTD	
43	16000153	Vũ Ngọc Thụy	Vy	Nữ	30/06/2001	16TCN-KTD	
44	16000386	Huỳnh Thị Ngân	Xuyên	Nữ	16/11/2001	16TCN-KTD	
45	16003871	Nguyễn Hoàng	Long	Nam	18/03/2000	16TCN-LĐL1	
46	16000156	Trần Minh	Mẫn	Nam	07/02/1997	16TCN-LĐL1	
47	16000106	Nguyễn Xuân	Phú	Nam	22/03/2001	16TCN-LĐL1	
48	16000124	Nguyễn Hoàng	Tâm	Nam	11/03/2001	16TCN-LĐL1	
49	16001500	Ngọc Long	Thiên	Nam	12/10/2001	16TCN-LĐL1	
50	16000269	Nguyễn Xuân	Đạt	Nam	27/12/2001	16TCN-Ô1	
51	16000606	Huỳnh Trần Trường	Duy	Nam	25/11/2001	16TCN-Ô1	
52	16000486	Thân Trọng Quốc	Huy	Nam	13/12/2001	16TCN-Ô1	
53	16003691	Trần Quang	Linh	Nam	12/10/2001	16TCN-Ô1	
54	16000654	Võ Phú	Lộc	Nam	27/02/1996	16TCN-Ô1	
55	16003849	Lại Thế	Quyền	Nam	18/07/1994	16TCN-Ô1	
56	16000323	Huỳnh Vũ	Tiến	Nam	03/07/1997	16TCN-Ô1	
57	16000657	Võ Chí Lâm	Trường	Nam	13/04/1999	16TCN-Ô1	
58	16000828	Phạm Anh	Tỷ	Nam	27/09/2001	16TCN-Ô1	

STT	MSHS	Họ và Tên		GT	Ngày sinh	Lớp học	Ghi chú
59	16000790	Lê Minh	Cảnh	Nam	19/06/1998	16TCN-QTD	
60	16002461	Mộng Thùy	Dương	Nữ	21/12/2001	16TCN-QTD	
61	16000315	Trần Tường	Duy	Nữ	02/04/2001	16TCN-QTD	
62	16000172	Ngô Thị Mỹ	Hạnh	Nữ	09/02/2001	16TCN-QTD	
63	16003746	Trần Thị Mai	Hương	Nữ	26/02/2001	16TCN-QTD	
64	16000283	Nguyễn Trần Quang	Nhật	Nam	15/11/2000	16TCN-QTD	
65	16000071	Nguyễn Thị Phi	Nhung	Nữ	23/09/2001	16TCN-QTD	
66	16001046	Châu Phú	Phát	Nam	17/05/2000	16TCN-QTD	
67	16000594	Đoàn Hồng	Phúc	Nữ	30/01/2001	16TCN-QTD	
68	16000371	Nguyễn Thị Hồng	Phương	Nữ	03/08/2001	16TCN-QTD	
69	16000287	Nguyễn Thị Hồng	Thắm	Nữ	07/02/2001	16TCN-QTD	
70	16000272	Nguyễn Diệu	Thảo	Nữ	20/06/2001	16TCN-QTD	
71	16001756	Hồ Hoàng Đăng	Thi	Nữ	26/06/2001	16TCN-QTD	
72	16000044	Tổng Thị Thanh	Thủy	Nữ	15/01/2001	16TCN-QTD	
73	16000369	Phạm Ngọc Bích	Trâm	Nữ	10/07/2001	16TCN-QTD	
74	16003812	Nguyễn Văn Hoài	An	Nam	21/07/2001	16TCN-QTM1	
75	16000026	Dương Gia	Chiêu	Nam	12/04/2001	16TCN-QTM1	
76	16000506	Trần Quốc	Hung	Nam	29/10/2001	16TCN-QTM1	
77	16000295	Nguyễn Lê Anh	Khoa	Nam	15/10/2001	16TCN-QTM1	
78	16000331	Lê Quang	Minh	Nam	23/07/2000	16TCN-QTM1	
79	16000329	Lê Bắc	Nam	Nam	13/03/2001	16TCN-QTM1	
80	16002342	Lê Trọng	Nghĩa	Nam	18/10/2001	16TCN-QTM1	
81	16000581	Nguyễn Cao Đức	Tài	Nam	03/05/2000	16TCN-QTM1	
82	16000240	Vũ Tấn	Tài	Nam	24/06/1997	16TCN-QTM1	
83	16000158	Nguyễn Tiến	Thiên	Nam	27/04/2001	16TCN-QTM1	
84	16000057	Lại Minh	Trí	Nam	18/09/2001	16TCN-QTM1	
85	16001823	Lã Minh	Trường	Nam	08/04/2000	16TCN-QTM1	
86	16000165	Nguyễn Trường	Tú	Nam	15/03/2001	16TCN-QTM1	

Tổng cộng danh sách có 86 học sinh.

